

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định về bảo trì công trình hàng không dân dụng***Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;**Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;**Căn cứ Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;**Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 về sửa đổi một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;**Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;**Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,**Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về bảo trì công trình hàng không dân dụng.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về bảo trì công trình hàng không phục vụ cho hoạt động hàng không dân dụng (sau đây gọi tắt là công trình hàng không) trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan tới quản lý, bảo trì công trình hàng không thuộc mọi hình thức sở hữu trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công trình hàng không là các công trình phục vụ cho hoạt động hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, bao gồm:

- a) Công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay;
- b) Công trình cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
- c) Công trình cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

2. Bảo trì công trình là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì công trình ở trạng thái khai thác bình thường, an toàn theo quy định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác sử dụng.

Nội dung của bảo trì công trình có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, kiểm định chất lượng, quan trắc, bảo dưỡng và sửa chữa công trình.

3. Quy trình bảo trì công trình hàng không là quy định về thời gian, trình tự, thủ tục và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình.

4. Kiểm tra công trình là công việc kiểm tra thường xuyên nhằm xác định, kịp thời phát hiện những sự cố, hỏng hóc ảnh hưởng đến trạng thái khai thác bình thường, an toàn của công trình.

5. Kiểm định chất lượng công trình là công việc kiểm tra, đánh giá nhằm xác định trạng thái, chất lượng công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với thiết kế công trình.

6. Quan trắc công trình hàng không là sự quan sát, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu của thiết kế công trình trong quá trình khai thác, sử dụng công trình.

7. Bảo dưỡng công trình hàng không là các hoạt động theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình; được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác bình thường, an toàn và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình.

8. Sửa chữa công trình hàng không là việc khắc phục những hư hỏng của bộ phận hoặc nhiều bộ phận kết cấu công trình, thiết bị công trình có ảnh hưởng đến an toàn khai thác công trình nhằm đưa công trình về trạng thái khai thác bình thường, an toàn của công trình; bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

a) Sửa chữa định kỳ là việc sửa chữa được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì hoặc khi công trình hàng không có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng công trình;

b) Sửa chữa đột xuất được thực hiện ngay sau khi phát hiện sự cố, hỏng hóc nhằm bảo đảm an toàn khai thác công trình hàng không.

9. Tuổi thọ thiết kế công trình hàng không là thời gian khai thác, sử dụng của công trình do người thiết kế tính toán trong quá trình thiết kế công trình.

10. Công trình hàng không hết tuổi thọ thiết kế là công trình đã có thời gian khai thác, sử dụng lớn hơn tuổi thọ thiết kế của công trình được xác định theo quy định của hồ sơ thiết kế.

11. Công trình, bộ phận công trình có biểu hiện xuống cấp về chất lượng là công trình đã xuất hiện các hư hỏng hoặc không duy trì đủ điều kiện khai thác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

12. Công trình, bộ phận công trình không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng là công trình, bộ phận công trình nguy hiểm, có nguy cơ sập đổ hoặc nứt, võng, lún, nghiêng đến giá trị giới hạn hoặc việc khai thác uy hiếp an toàn hàng không theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

Điều 4. Yêu cầu về bảo trì công trình hàng không

1. Mọi công trình hàng không khi đưa vào khai thác, sử dụng phải được tổ chức quản lý bảo trì.

2. Bảo trì công trình hàng không phải được thực hiện theo nội dung, quy trình bảo trì, các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc bảo trì công trình hàng không phải được thực hiện theo kế hoạch được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Tài liệu phục vụ bảo trì công trình hàng không

1. Các tài liệu phục vụ bảo trì công trình hàng không bao gồm:

a) Hồ sơ hoàn công công trình hàng không;

b) Tài liệu khai thác công trình hàng không;

c) Sổ theo dõi quá trình vận hành, khai thác công trình hàng không; lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình hàng không;

d) Quy trình bảo trì công trình hàng không;

đ) Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì công trình hàng không; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo trì công trình hàng không;

e) Hồ sơ, tài liệu kiểm tra, kiểm định chất lượng, quan trắc, bảo dưỡng, sửa chữa công trình hàng không;

g) Các hồ sơ, tài liệu cần thiết khác phục vụ cho bảo trì công trình hàng không.

2. Hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác bảo trì công trình hàng không phải được lưu giữ và bổ sung kịp thời những thay đổi của công trình.

Điều 6. Nội dung bảo trì công trình hàng không

1. Nội dung bảo trì công trình hàng không bao gồm các công việc sau đây:

a) Kiểm tra công trình hàng không: theo quy định trong tài liệu khai thác công trình;

b) Quan trắc công trình hàng không: theo hồ sơ thiết kế công trình;

c) Bảo dưỡng công trình hàng không: bảo dưỡng công trình thường xuyên, định kỳ theo quy định trong tài liệu khai thác công trình;

d) Kiểm định chất lượng công trình hàng không: khi phát hiện chất lượng công trình có sự cố hư hỏng và xuống cấp về chất lượng hoặc cần đánh giá chất lượng hiện trạng công trình;

đ) Sửa chữa công trình hàng không: sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

2. Việc bảo trì công trình hàng không quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy trình bảo trì được phê duyệt theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo trì công trình hàng không

1. Trách nhiệm bảo trì công trình hàng không có một chủ sở hữu:

a) Đối với công trình hàng không thuộc sở hữu nhà nước: tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao hoặc cho thuê quản lý, khai thác, sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm bảo trì công trình;

b) Đối với công trình hàng không đầu tư theo hình thức BOT (Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao), BTO (Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh): doanh nghiệp thực hiện dự án (nhà đầu tư) chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian khai thác của hợp đồng BOT, BTO; hết thời gian khai thác, tổ chức, cá nhân được giao tiếp nhận quản lý, khai thác, sử dụng công trình hàng không từ nhà đầu tư có trách nhiệm tiếp tục bảo trì công trình;

c) Đối với công trình hàng không thuộc sở hữu khác, chủ sở hữu công trình có trách nhiệm bảo trì công trình hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu cho thuê quản lý, khai thác, sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm bảo trì công trình.

2. Trách nhiệm bảo trì công trình hàng không có nhiều chủ sở hữu:

Chủ sở hữu phần riêng của công trình có trách nhiệm bảo trì phần sở hữu riêng của mình và đồng thời phải có trách nhiệm bảo trì phần sở hữu chung của công trình hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu cho thuê quản lý, khai thác,

sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm bảo trì công trình. Việc phân định trách nhiệm bảo trì phần sở hữu chung của công trình thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc do các chủ sở hữu công trình hoặc người được chủ sở hữu cho thuê quản lý, khai thác, sử dụng công trình thỏa thuận cụ thể bằng văn bản.

3. Chủ sở hữu khi cho tổ chức, cá nhân thuê hoặc ủy quyền quản lý, khai thác, sử dụng công trình hàng không phải có nội dung thỏa thuận về trách nhiệm bảo trì công trình hàng không trong hợp đồng thuê hoặc bằng văn bản.

4. Người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện việc bảo trì công trình hàng không.

Điều 8. Quy trình bảo trì công trình hàng không

Người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng không có trách nhiệm yêu cầu nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình hoặc thuê tổ chức tư vấn khác có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật lập quy trình bảo trì công trình hàng không và tổ chức thẩm định và phê duyệt quy trình bảo trì công trình hàng không theo quy định tại các Điều 6, 7 và 8 của Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng và các quy định của pháp luật chuyên ngành hàng không có liên quan.

Điều 9. Kế hoạch bảo trì công trình hàng không

1. Nội dung kế hoạch bảo trì công trình hàng không bao gồm:

- a) Tên công trình, hạng mục công trình;
- b) Thời gian thực hiện;
- c) Phương thức thực hiện;
- d) Dự toán kinh phí thực hiện;
- đ) Nguồn vốn thực hiện.

2. Người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng không có trách nhiệm lập, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm; kiểm tra, kiểm định chất lượng công trình (nếu có), quan trắc công trình và thực hiện phương án sửa chữa đột xuất công trình theo quy định tại Thông tư này.

3. Người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng không có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm trình Cục Hàng không Việt Nam xem xét phê duyệt. Hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Cục Hàng không Việt Nam (01 bộ hồ sơ) trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.